TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1010/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Kim Thái Hồ

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 612/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo Q, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Ông Ngô Quốc B, sinh năm: 1972;

Thường trú: Đường X, phường Y, quận Z, tỉnh Kiên Giang

Tạm trú: Đường X1, phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh

(Tại phiên tòa, bà Q và ông B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2021, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q trình bày:* Bà và ông Ngô Quốc B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2016 (Giấy chứng nhận kết

hôn số 32, ngày 05/5/2016). Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại địa chỉ: 195/1 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về mâu thuẫn gia đình: Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Ông B không đi làm kiếm tiền lại nhắn tin với những người phụ nữ khác. Thêm nữa ông B không quan tâm đến bà, hay đánh đập và la mắng bà. Bà và ông B đã cố gắng nói chuyện hòa giải và hàn gắn với nhau nhưng ông B không thay đổi. Bà và ông B đã ly thân gần 02 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà Q xác nhận bà và ông B không có con chung.

Về tài sản chung: Bà Q xác nhận bà và ông B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Q xác nhận bà và ông B không có nợ chung.

- *Bị đơn ông Ngô Quốc B trình bày:* Ông và bà Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 05/5/2016). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: 195/1 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2020 thì ông phát hiện bà Q nhắn tin với người đàn ông khác nên đã đuổi bà Q ra ngoài ở cho đến nay. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà Q thì ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ, xin cơ hội để sửa sai và đoàn tụ hàn gắn gia đình.

Về con chung: Ông B xác nhận ông và bà Q không có con chung.

Về tài sản chung: Ông B xác nhận ông và bà Q không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông B xác nhận ông và bà Q không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Ngô Quốc B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Thẩm phán thực hiện chưa đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn gửi hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát quận Tân Phú đúng theo quy định khoản 2 điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự khác từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227;

Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông B

- Về quan hệ con chung: Không có nên không xem xét giải quyết
- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không giải quyết
- Về án phí: Bà Q phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 05/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã B Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cấp cho các đương sự thì quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thảo Q và ông Ngô Quốc B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bị đơn ông Ngô Quốc B hiện tạm trú tại 195/1 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện thời gian vợ chồng bà Q và ông B chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2020. Cả hai mặc dù đã cố gắng hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng không được, hiện cả hai đã sống ly thân được hai năm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong thời gian ly thân, ông B cũng không có hàn gắn với bà Q. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Thảo Q và ông Ngô Quốc B thường xuyên xảy mâu thuẫn là có cơ sở và mâu thuẫn giữa bà Q và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn hạnh phúc. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q

- Về con chung: Hai bên xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thảo Q phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Ngô Quốc B không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản1 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thảo Q được ly hôn với ông Ngô Quốc B.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thảo Q và ông Ngô Quốc B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32, ngày 05/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã B Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà Nguyễn Thị Thảo Q và ông Ngô Quốc B chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Q và ông B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Q và ông B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Q và ông B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thảo Q phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0035036 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thảo Q đã nộp đủ án phí. Ông Ngô Quốc B không phải nộp án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Tô Thị Ngọc Phượng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**